

Số: 2744 /QĐ-UBND

Huế, ngày 08 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐCP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 309/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 3072/QĐ-BNNMT ngày 04 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 6312/TTr-SNNMT ngày 06 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 01 thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã (*Phần I. Danh mục TTHC*).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các công việc sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết, công khai và triển khai giải quyết TTHC liên quan đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) theo quy định; thiết lập quy trình điện tử giải quyết TTHC trên phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết TTHC (*Phần II. Nội dung quy trình*).

2. Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thiết lập quy trình điện tử giải quyết các TTHC liên quan đến phần việc của mình trên phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết TTHC để thực hiện tiếp nhận và trả kết quả TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

- Thay thế TTHC đã được công bố có số thứ tự 01 tại phụ lục I danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Thay thế TTHC đã được công bố có số thứ tự 37 lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật tại phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện phương án đơn giản hoá về cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã.

- Thay thế quy trình nội bộ, quy trình điện tử của TTHC có số thứ tự 21 mục I phần I Danh mục quy trình và các nội dung cụ thể tương ứng của thủ tục

đó ở phần II Nội dung quy trình tại phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 2247/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính thực hiện phương án đơn giản hoá về cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Các PCVP UBND thành phố;
- Công TTĐT, TT PVHCC thành phố;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Hải Minh

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

(Kèm theo Quyết định số: 2744/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm nộp hồ sơ	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
01	1.014776	Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói	- Đối với trường hợp không đăng ký xuất khẩu đến thị trường có yêu cầu về mã số: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Đối với trường hợp đăng ký xuất khẩu đến thị trường có yêu cầu về mã số hoặc trường hợp đăng ký bổ sung thị trường xuất khẩu: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Đối với trường hợp thay đổi thông tin liên quan đến tên tổ chức, cá nhân đại diện mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói hoặc do việc thay đổi địa giới hành chính: 02 ngày làm việc kể từ ngày	- Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố.	Không	- Điều 64 Luật Trồng trọt năm 2018. - Điều 15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15. - Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định về nhập khẩu cây mang theo bầu đất và mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói. - Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định đơn giản hóa thủ tục hành chính về mã số vùng	Ủy ban nhân dân cấp xã

			<i>tiếp nhận đơn đề nghị cấp lại.</i>			<i>trồng, mã số cơ sở đóng gói.</i>	
--	--	--	---------------------------------------	--	--	-------------------------------------	--

Ghi chú:

- Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.
- TTHC trên được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi thành phố.
- Nội dung chi tiết của các TTHC đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>).

PHẦN II: QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Tên thủ tục: Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói (1.014776)

1.1 Cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói (Đối với trường hợp không đăng ký xuất khẩu đến thị trường có yêu cầu về mã số)

- Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
- Quy trình nội, bộ quy trình điện tử:

Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ làm việc)
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Hướng dẫn các tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp/trực tuyến; + Cung cấp thông tin, hướng dẫn người dân/doanh nghiệp thực hiện TTHC; + Ưu tiên hỗ trợ thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến. - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức/cá nhân theo quy định; - Số hóa, cập nhật hồ sơ vào Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến); - Chuyển hồ sơ trên Hệ thống và bàn giao hồ sơ giấy (nếu có) cho Bộ phận có thẩm quyền giải quyết (tiếp nhận, ghi nhận yêu cầu về hình thức, địa điểm trả kết quả).	04
Bước 2	Lãnh đạo phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.	- Nhận hồ sơ (điện tử) và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ - Phân công chuyên viên thẩm định, xử lý hồ sơ.	02
Bước 3	Chuyên viên cấp xã	- Thẩm định hồ sơ.	12

		- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đạt yêu cầu, dự thảo Thông báo cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói. - Trường hợp không cấp thì phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do. - Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng xem xét.	
Bước 4	Lãnh đạo phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.	Kiểm tra, thẩm định dự thảo kết quả trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã.	02
Bước 5	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã	Ký phê duyệt kết quả và chuyển cho văn thư phát hành văn bản.	02
Bước 6	Văn thư Ủy ban nhân dân cấp xã	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả cho Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	02
Bước 7	Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Xác nhận trên phần mềm một cửa; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân.	
Tổng thời gian giải quyết TTHC			24

1.2 Cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói (Đối với trường hợp đăng ký xuất khẩu đến thị trường có yêu cầu về mã số hoặc trường hợp đăng ký bổ sung thị trường xuất khẩu)

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
- Quy trình nội, bộ quy trình điện tử:

Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ làm việc)
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	- Hướng dẫn các tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp/trực tuyến;	04

	phố/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	+ Cung cấp thông tin, hướng dẫn người dân/doanh nghiệp thực hiện TTHC; + Ưu tiên hỗ trợ thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến. - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức/cá nhân theo quy định; - Số hóa, cập nhật hồ sơ vào Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến); - Chuyển hồ sơ trên Hệ thống và bàn giao hồ sơ giấy (nếu có) cho Bộ phận có thẩm quyền giải quyết (tiếp nhận, ghi nhận yêu cầu về hình thức, địa điểm trả kết quả).	
Bước 2	Lãnh đạo phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.	- Nhận hồ sơ (điện tử) và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ - Phân công chuyên viên thẩm định, xử lý hồ sơ.	02
Bước 3	Chuyên viên cấp xã	- Tổ chức kiểm tra, thẩm định hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đạt yêu cầu, dự thảo Thông báo cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói. - Trường hợp không cấp thì phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do. - Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng xem xét.	68
Bước 4	Lãnh đạo phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.	Kiểm tra, thẩm định dự thảo kết quả trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã.	02
Bước 5	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã	Ký phê duyệt kết quả và chuyển cho văn thư phát hành văn bản.	02
Bước 6	Văn thư Ủy ban nhân dân cấp xã	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả cho Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	02

Bước 7	Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Xác nhận trên phần mềm một cửa; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân.	
Tổng thời gian giải quyết TTHC			80

1.3. Cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói (Đối với trường hợp thay đổi thông tin liên quan đến tên tổ chức, cá nhân đại diện mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói hoặc do thay đổi địa giới hành chính)

- Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
- Quy trình nội, bộ quy trình điện tử:

Thứ tự công việc	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ làm việc)
Bước 1	Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Hướng dẫn các tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp/trực tuyến; + Cung cấp thông tin, hướng dẫn người dân/doanh nghiệp thực hiện TTHC; + Ưu tiên hỗ trợ thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến. - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức/cá nhân theo quy định; - Số hóa, cập nhật hồ sơ vào Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến); - Chuyển hồ sơ trên Hệ thống và bàn giao hồ sơ giấy (nếu có) cho Bộ phận có thẩm quyền giải quyết (tiếp nhận, ghi nhận yêu cầu về hình thức, địa điểm trả kết quả).	02

Bước 2	Lãnh đạo phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.	- Nhận hồ sơ (điện tử) và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ - Phân công chuyên viên thẩm định, xử lý hồ sơ.	02
Bước 3	Chuyên viên cấp xã	- Thẩm định hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đạt yêu cầu, dự thảo Thông báo cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói. - Trường hợp không cấp thì phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do. - Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng xem xét.	06
Bước 4	Lãnh đạo phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.	Kiểm tra, thẩm định dự thảo kết quả trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã.	02
Bước 5	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã	Ký phê duyệt kết quả và chuyển cho văn thư phát hành văn bản.	02
Bước 6	Văn thư Ủy ban nhân dân cấp xã	Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả cho Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	02
Bước 7	Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Xác nhận trên phần mềm một cửa; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân.	
Tổng thời gian giải quyết TTHC			16